

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 1**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

- Nguyên nhân nào dẫn tới sự khác nhau giữa bộ xương người và bộ xương thú?
 - Đứng thẳng và lao động.
 - Ăn thịt, ăn chín,
 - Có tư duy trừu tượng
 - Sống thành xã hội.
- Trong quá trình đông máu, loại ion nào sau đây có tác dụng biến đổi prôtein hòa tan thành các tơ máu?
 - K^+
 - Ba^{2+}
 - Ca^{2+}
 - Mg^{2+}

Câu 2. Hãy chọn các từ hay cụm từ sau để điền vào chỗ trống (...) thay cho các số 1,2, 3... trong câu để câu trở nên hoàn chỉnh và hợp lí.

- | | |
|-----------------|-------------------|
| a. Cơ thực quản | b. Tinh bột |
| c. Dế nuốt | d. Amilaza |
| e. Lưỡi | f. Răng |
| g. Cơ môi | h. Tuyến nước bọt |
| i. Máu | k. Viên thức ăn |

Nhờ hoạt động phối hợp của ... (1) ... lưỡi, các ... (2) ... và ... (3) ... cùng các ... (4) ... làm cho thức ăn đưa vào khoang miệng trở thành ... (5) ..., nhuyễn, thấm đẫm nước bọt và ... (6) ... trong đó một phần ... (7) ... được enzym ... (8) ... biến thành đường mantôzơ. Thức ăn được nuốt xuống thực quản nhờ hoạt động chủ yếu của ... (9) ... và được đẩy qua thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của các ... (10) ...

Câu 3. Hãy lựa chọn và ghép các thông tin ở cột B phù hợp với các thông tin ở cột A rồi ghi vào cột trả lời:

Hai mặt của quá trình chuyên hoá vật chất và năng lượng ở tế bào (A)	Những biểu hiện bên ngoài của quá trình chuyển hoá vật chất và năng lượng diễn ra (ý tế bào) (B)	Trả lời
1. Đồng hoá 2. Dị hoá	a - Là quá trình phân giải các chất hữu cơ được tích lũy trong cơ thể thành các chất đơn giản, b - Là quá trình tổng hợp nên những chất đặc trưng của tế bào. c - Tích lũy năng lượng trong các liên kết hoá học. d - Bẻ gãy các liên kết hoá học để giải phóng năng lượng, cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào (sinh công, tổng hợp chất mới và sinh nhiệt)	1..... 2.....

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1. Sự thực bào là gì? Do những loại bạch cầu nào thực hiện? Nêu sự khác nhau về hoạt động bảo vệ cơ thể của tế bào lim pho B và tế bào lim pho T?

Câu 2. Sự tiêu hoá hoá học ở ruột non diễn ra như thế nào?

Câu 3. Các thành phần cấu tạo chủ yếu của hệ hô hấp và chức năng của nó là gì?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)**

Câu 1.

1	2
A	C

Câu 2.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
g	h	k	i	l	c	b	d	e	a

Câu 3.

1	2
b, c	a, d

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1.

Sự thực bào là hiện tượng các bạch cầu hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn vào trong tế bào rồi tiêu hoá chúng.

Do các loại bạch cầu sau thực hiện

- Bạch cầu trung tính.
- Đại thực bào (Bạch cầu mônô).

Sự khác nhau về hoạt động bảo vệ cơ thể của tế bào Limphô B và tế bào Limphô T.

- Tế bào B đã chống lại các kháng nguyên bằng cách tiết ra các kháng thể, rồi các kháng thể gây kết dính lại các kháng nguyên.
- Tế bào T đã phá huỷ các tế bào cơ thể nhiễm vi khuẩn, virus bằng cách nhận diện và tiếp xúc chúng, tiết ra các protein đặc hiệu làm tan màng tế bào nhiễm và tế bào nhiễm bị phá huỷ

Câu 2. Sự tiêu hoá hoá học ở ruột non:

Thức ăn xuống đến ruột non được tiêu hoá hóa học là chủ yếu: (nhờ các loại enzym khác nhau) đã biến đổi:

Tinh bột → đường đơn;

Lipit → glixêrin + axit béo;

Protein → Axit amin

Câu 3.

Cấu tạo hệ hô hấp:

Gồm các cơ quan ở đường dẫn khí (mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản) và hai lá phổi.

Chức năng:

- Đường dẫn khí: dẫn khí vào và ra, làm ẩm, làm ấm không khí đi vào và bảo vệ phổi.
- Phổi là nơi trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 2**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**Câu 1.** Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**1.** Trong cơ thể mô biểu bì có chức năng gì?

- A. Co, dãn.
- B. Nâng đỡ, liên hệ.
- C. Bảo vệ, hấp thụ, bài tiết.
- D. Tiếp nhận, trả lời các kích thích.

2. Có 3 loại xương đó là:

- A. Xương sọ, xương chi và xương sườn.
- B. Xương đầu, xương thân và xương chi.
- C. Xương dài, xương ngắn và xương sọ.
- D. Xương dài, xương ngắn, xương dẹt

3. Máu gồm:

- A. Hồng cầu và tiểu cầu.
- B. Huyết tương và các tế bào máu
- C. Bạch cầu và hồng cầu.
- D. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu

4. Đường dẫn khí có chức năng gì?

- A. Thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường.
- B. Trao đổi khí ở phổi và tế bào.
- C. Làm ấm, làm ẩm không khí và bảo vệ phổi.
- D. Bảo vệ hệ hô hấp.

Câu 2. Hãy chọn và ghép các thông tin ở cột B sao cho phù hợp với các thông tin ở cột A rồi ghi vào phần trả lời:

Các cơ quan (A)	Đặc điểm cấu tạo đặc trưng (B)	Trả lời
1. Mũi	a. Có 6 tuyến amidan và một tuyến V.A chứa nhiều tế bào limphô.	1.....
2. Họng	b. Có lớp mao mạch dày đặc, có lớp niêm mạc tiết chất nhầy	2.....
3. Thanh quản	c. Cấu tạo bởi 15-20 vòng sụn khuyết xếp chồng lên nhau. Có lớp niêm mạc tiết chất nhầy với nhiều lông rung chuyển động liên tục.	3.....
4. Khí quản	d. Có nắp thanh quản có thể cử động để đẩy kín đường hô hấp.	4.....
5. Phế quản	e. Có nhiều lông mũi.	5.....
6. Phổi	h. Cấu tạo các vòng sụn ở phế quản, nơi tiếp xúc các phế nang thì không có vòng sụn mà là các xơ cơ.	6.....
	i. Được cấu tạo bởi các phế nang tập hợp từng cụm và được bao bởi mạng mao mạch dày đặc có từ 700 - 800 triệu phế nang.	7.....

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Nêu đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn. Nêu các biện pháp rèn luyện và bảo vệ hệ tim mạch?

Câu 2. Thở sâu có lợi gì? Làm thế nào để có một hệ hô hấp khỏe mạnh?

Câu 3. Cấu tạo của dạ dày như thế nào? Ý nghĩa của HCl tiết ra trong dạ dày?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Câu 1.

1	2	3	4
C	D	B	C

Câu 2.

1	2	3	4	5	6
e	a	d	c	h	i

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1.

Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn:

Máu đỏ tươi (giàu oxy) từ tâm thất trái theo động mạch chủ tới mao mạch các cơ quan, tại đây thực hiện quá trình trao đổi chất và trao đổi khí. Máu nhường oxy và chất dinh dưỡng cho các cơ quan hoạt động, lấy đi khí cacbonic và các chất thải. Máu đỏ thẫm theo tĩnh mạch chủ trở về tâm nhĩ phải.

Biện pháp rèn luyện và bảo vệ hệ tim mạch:

- Tránh các tác nhân gây hại
- Tạo cuộc sống tinh thần thoải mái, vui vẻ.
- Lựa chọn cho mình một hình thức rèn luyện phù hợp
- Cần rèn luyện thường xuyên để tăng sức chịu đựng của cơ tim

Câu 2.

- Thở sâu đẩy được nhiều khí cặn ra khỏi phổi. Thở sâu và giảm nhịp thở trong mỗi phút sẽ tăng hiệu quả hô hấp
- Để có một hệ hô hấp khỏe mạnh cần luyện tập thể dục thể thao, phối hợp với tập thở sâu và nhịp thở thường xuyên từ bé, luyện tập phải vừa sức và từ từ.

Câu 3.

Hình dạng cái túi thất ở hai đầu.

Thành dạ dày có cấu tạo 4 lớp cơ bản:

- Lớp màng.
- Lớp cơ: gồm cơ dọc, cơ vòng và cơ chéo.
- Lớp dưới niêm mạc.
- Lớp niêm mạc với nhiều tuyến tiết dịch vị

Ý nghĩa của HCL tiết ra trong dạ dày: làm môi trường cho eim pepsin tác dụng với loại thức ăn protein.

Sơ đồ như sau:

Pepsinogen \rightarrow HCl \rightarrow pepsin

Protein (chuỗi dài) \rightarrow pepsin \rightarrow Protein (chuỗi ngắn)

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 3**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1. Hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp rồi ghi vào phần trả lời:

Cột A (Cơ quan hô hấp)	Cột B (Chức năng)
1. Khoang mũi	a. Chống bụi, vi khuẩn và vật lạ, giúp không khí dễ đi qua
2. Khí quản và phế quản	b. Làm tăng bề mặt trao đổi khí của phổi, đảm bảo cho sự trao đổi khí giữa máu với không khí trong phế nang dễ dàng.
3. Thanh quản	c. Ngăn bụi và diệt khuẩn, sưởi ấm và làm ẩm không khí
4. Phổi	d. Nhận không khí từ khoang mũi, hầu chuyển vào khí quản. Ngăn thức ăn không cho lọt vào khí quản trong lúc nuốt thức ăn

Trả lời: 1.....; 2.....; 3.....; 4.....

Câu 2. Hãy chọn phương án trả lời đúng:

1. Vai trò của emim amilaza?

- A. Là tuyến tiêu hoá nằm ở khoang miệng
- B. Tiêu hoá hoàn toàn tinh bột thành đường mantôzơ
- C. Biến đổi tinh bột thành đường mantôzơ
- D. Cả A, B và C đúng

2. Chất dinh dưỡng trong thức ăn được hấp thụ chủ yếu ở:

- A. Khoang miệng.
- B. Ruột non
- C. Dạ dày
- D. Ruột già

3. Câu nào sau đây sai?

- A. Xương to ra về bề ngang nhờ sụn tăng trưởng phân chia
- B. Tính chất của cơ đó là co và duỗi
- C. Có 3 loại khớp là khớp bán động, khớp động và khớp bất động
- D. Xương dài hình ống, giữa chứa tuỷ đỏ ở trẻ em, tuỷ vàng ở người lớn.

4. Ở động mạch, máu được vận chuyển nhờ:

- A. Sức đẩy của tim và sự co giãn của động mạch
- B. Sức hút của lồng ngực khi hít vào và sức đẩy của tim
- C. Sự co bóp của các cơ bắp quanh thành mạch và sức đẩy của tim
- D. Sức hút của tâm nhĩ và sự co giãn của động mạch

5. Câu nào dưới đây được coi chức năng của hệ tiêu hóa của người?

- A. Xử lí cơ học thức ăn
- B. Thủy phân thức ăn thành các đơn phân tiêu hóa được
- C. Loại bỏ thức ăn không đặc trưng cho loài
- D. Cả A, B và C

6. Enzyme amilase chỉ hoạt động hiệu quả trong môi trường có:

- A. Nhiệt độ 37°C và pH là 2 - 3
- B. Nhiệt độ 37°C và pH là 7.2
- C. Nhiệt độ 37°C và pH là 3,7
- D. Cả A, B và C đều sai

7. Một cung phản xạ gồm đầy đủ các thành phần sau:

- A. Noron hướng tâm, noron li tâm, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng.
- B. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng.
- C. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản xạ
- D. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan phản xạ.

8. Khi nhai kỹ cơm cháy trong miệng ta thấy có vị ngọt, vì:

- A. Cơm cháy và thức ăn được nhào trộn kỹ.
- B. Cơm cháy đã biến thành đường mantôzơ.
- C. Nhờ sự hoạt động của amilaza.
- D. Thức ăn được nghiền nhỏ.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1. Những đặc điểm nào của ruột non giúp nó thực hiện tốt vai trò hấp thụ các chất dinh dưỡng? Vì sao ăn uống đúng cách lại giúp cho sự tiêu hóa đạt hiệu quả?

Câu 2. Vì sao huyết áp trong tĩnh mạch rất nhỏ mà máu vẫn chuyển được qua tĩnh mạch về tim?

Câu 3. Trình bày vai trò của gan.

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)**

Câu 1.

1	2	3	4
c	a	d	b

Câu 2.

1	2	3	4	5	6	7	8
C	B	A	A	D	B	B	B

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1.

Đặc điểm của ruột non:

- Niêm mạc ruột có nhiều nếp gấp
- Có nhiều lông ruột và lông ruột cực nhỏ làm cho diện tích bề mặt bên trong của ruột non tăng gấp khoảng 600 lần so với diện tích mặt ngoài.
- Mạng lưới mao mạch máu và bạch huyết dày đặc
- Ruột dài (2,8 đến 3 mét) → Tổng diện tích bề mặt 500 m²

Ăn uống đúng cách giúp tiêu hóa có hiệu quả vì: ăn chậm, nhai kỹ giúp thức ăn được nghiền nhỏ hơn, dễ thấm dịch tiêu hóa hơn. Mặt khác, ăn đúng giờ, đúng bữa sự tiết dịch tiêu hóa sẽ thuận lợi hơn, số lượng và chất lượng dịch tiêu hóa cao hơn.

Sau khi ăn cần có thời gian nghỉ ngơi giúp cho hoạt động tiết dịch tiêu hóa cũng như hoạt động co bóp của dạ dày và ruột tập trung hơn nên tiêu hóa đạt hiệu quả hơn.

Câu 2. Huyết áp trong tĩnh mạch rất nhỏ mà máu vẫn chuyển được qua tĩnh mạch về tim là vì ngoài huyết áp còn có:

- Cơ bóp của các cơ quanh thành mạch
- Sức hút của lồng ngực khi hít vào
- Sức hút của tâm nhĩ khi đàn ra.
- Van 1 chiều

Câu 3. Vai trò của gan:

- Gan tiết dịch mật đổ vào túi mật để tiêu hoá thức ăn ở ruột non (tá tràng)
- Điều hòa nồng độ các chất dự trữ trong máu luôn ổn định, dự trữ
- Khử độc.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 4**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Các bác sĩ thường dùng ống nghe, nghe tiếng động của tim để chẩn đoán bệnh. Tiếng tim do đâu sinh ra?

- A. Do sự co cơ tâm thất và đóng các van nhĩ thất
- B. Do sự đóng các van tổ chim ở động mạch chủ và động mạch phổi gây ra
- C. Do sự va chạm các mòm tim vào lồng ngực
- D. Câu A. B đúng.

Câu 2. Trong các yếu tố sau, yếu tố nào đóng vai trò chủ yếu làm cho công lớn nhất?

- A. Tiết diện cơ to
- B. Nhịp co thích hợp.
- C. Khối lượng của vật tác động phải thích hợp
- D. Tinh thần phấn khởi

Câu 3. Bào quan có chức năng tham gia hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng là:

- A. Ti thể
- B. Lưới nội chất
- C. Ribôxôm
- D. Bộ máy gôngi

Câu 4. Gặp người bị tai nạn gãy xương cần phải làm gì?

- A. Đặt nạn nhân nằm yên
- B. Tiến hành sơ cứu
- C. Nắn lại ngay chỗ xương gãy
- D. Cả A và B.

Câu 5. Hoạt động của van trong pha thất co là:

- A. Van nhĩ thất mở, van động mạch đóng.
- B. Cả hai van cùng mở
- C. Van nhĩ thất đóng, van động mạch mở
- D. Cả hai van cùng đóng.

Câu 6. Đặc điểm cấu tạo chủ yếu của dạ dày là:

- A. Có lớp cơ rất dày và khỏe.
- B. Có 2 lớp cơ: cơ vòng và cơ dọc.
- C. Có lớp niêm mạc với nhiều tuyến tiết dịch vị.
- D. Cả A và C

Câu 7. Enzyme pepsin chỉ hoạt động hiệu quả trong môi trường có:

- A. Axit HCl và nhiệt độ bình thường của cơ thể

- B. Axit HCl loãng và nhiệt độ bình thường của cơ thể
- C. Axit HCl đặc và nhiệt độ bình thường của cơ thể
- D. Cả A và B đều sai

Câu 8. Các bệnh nào dễ lây qua đường hô hấp?

- A. Bệnh SARS, bệnh lao phổi
- B. Bệnh cúm, bệnh ho gà
- C. Bệnh tả, bệnh về giun sán
- D. Cả hai câu A và B đúng

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Nêu các biện pháp bảo vệ, rèn luyện hệ hô hấp?

Câu 2. Trình bày vai trò của hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết trong sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.

Câu 3. Với khẩu phần ăn đầy đủ và sự tiêu hóa diễn ra thuận lợi, những chất dinh dưỡng được hấp thụ ở ruột non là những chất nào? Phải ăn uống như thế nào để tránh bị đau dạ dày?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
D	A	A	D	C	D	B	D

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Các biện pháp bảo vệ, rèn luyện hệ hô hấp:

Cần tích cực xây dựng môi trường sống và làm việc có bầu không khí trong sạch, ít ô nhiễm bằng các biện pháp như:

- Trồng nhiều cây xanh
- Không xả rác bừa bãi
- Không hút thuốc lá
- Đeo khẩu trang chống bụi khi làm vệ sinh hay khi hoạt động ở môi trường nhiều bụi.

Cần tích cực rèn luyện để có một hệ hô hấp khỏe mạnh bằng luyện tập thể dục thể thao phối hợp tập thở sâu và giảm nhịp thở thường xuyên, từ bé.

Câu 2.

- Hệ tiêu hóa: biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng, thải phân
- Hệ hô hấp: lấy O_2 và thải CO_2
- Hệ tuần hoàn: vận chuyển ôxi và chất dinh dưỡng tới tế bào và vận chuyển CO_2 tới phổi, chất thải tới các cơ quan bài tiết
- Hệ bài tiết: lọc từ máu các chất thải → bài tiết qua nước tiểu

Câu 3.

Với khâu phân ăn đầy đủ và sự tiêu hóa diễn ra thuận lợi, những chất dinh dưỡng được hấp thụ ở ruột non là: Đường, axit béo và glyxêrin, axit amin, các vitamin tan trong nước, các muối khoáng, nước.

Để tránh bị đau dạ dày ta cần thực hiện các biện pháp sau đây:

- Ăn uống hợp vệ sinh, tránh đồ ăn quá chua hay quá cay ...
- Khẩu phần ăn hợp lý, bữa sáng nên ăn nhiều, bữa tối ăn ít chất béo ...
- Ăn uống đúng cách "nhai kỹ no lâu". Vệ sinh răng miệng sau khi ăn ...

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 5**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Loại tế bào máu làm nhiệm vụ vận chuyển O_2 và CO_2 là:

- A. Bạch cầu B. Hồng cầu C. Tiểu cầu. D. Câu B và C

2. Ở khoang miệng, thức ăn được biến đổi về mặt cơ học:

- A. Làm nhuyễn và nhào trộn với pepsin
 B. Cắn xé, làm nhuyễn và nhào trộn với amilaza
 C. Cắn xé, vo viên và nhào trộn với amilaza
 D. Cắn xé, vo viên và tẩm dịch vị.

3. Câu nào sau đây là không đúng?

- A. Ở khoang miệng, thức ăn được biến đổi về mặt lí học và hoá học
 B. Thức ăn lipit được biến đổi ở dạ dày
 C. Biến đổi hóa, học ở dạ dày là hoạt động của enzym pepsin
 D. Ở ruột non, sự biến đổi thức ăn chủ yếu là biến đổi hóa học

4. Sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào xảy ra do:

- A. Sự khuếch tán từ nơi có áp suất cao đến nơi có áp suất thấp hơn
 B. Sự khuếch tán từ nơi có áp suất thấp đến nơi có áp suất cao hơn
 C. Áp suất CO_2 trong phế nang cao hơn trong máu nên CO_2 ngấm từ máu vào phế nang
 D. Áp suất O_2 trong phế nang thấp hơn trong máu nên O_2 ngấm từ phế nang vào máu

5. Chất được hấp thụ và vận chuyển theo các con đường máu và bạch huyết là:

- A. Sản phẩm của lipit. B. Sản phẩm của axit nucleic
 C. Sản phẩm của protein D. Sản phẩm của glucit

6. Vai trò của ruột già là:

- A. Hấp thụ lại nước và thải phân B. Thải phân
 C. Là nơi chứa phân D. Cả A và C đúng

Câu 2. Điền từ thích hợp: phản ứng, co rút, hệ thần kinh vào chỗ trống (...) trong câu sau đây:

Phản xạ là của cơ thể, thông qua để trả lời các kích thích của môi trường.

Câu 3. Điền từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

Mỗi chu kì co dãn của tim gồm pha. đó là pha nhĩ co, pha pha dãn chung.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1. Vẽ sơ đồ để phản ánh mối quan hệ giữa cho và nhận của các nhóm máu? Giải thích vì sao nhóm máu

O là nhóm máu chuyên cho và nhóm máu AB là nhóm máu chuyên nhận?

Câu 2. Nêu các biện pháp vệ sinh tim mạch?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)**

Câu 1.

1	2	3	4	5	6
B	C	B	A	A	A

Câu 2. (1) - phản ứng;

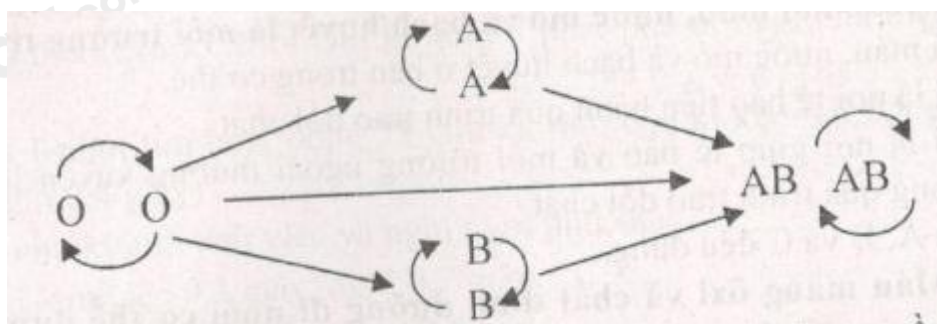
(2) - hệ thần kinh

Câu 3. (1) - 3;

(2) - thất co

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1. Sơ đồ phản ánh mối quan hệ giữa cho và nhận của các nhóm máu

**Giải thích:**

- Nhóm máu O là nhóm máu chuyên cho vì hồng cầu của nhóm máu O không có kháng nguyên A và B cho nên nó có thể truyền cho bất kì nhóm máu nào cũng không bị huyết tương của nhóm máu đó gây kết dính.
- Nhóm máu AB là nhóm máu chuyên nhận là vì trong huyết tương của nhóm máu AB không có kháng thể alpha và beta, cho nên nó không gây kết dính được bất kì một loại hồng cầu nào. Vậy nó có thể nhận được máu của tất cả các nhóm máu mà không làm kết dính.

Câu 2. Các biện pháp vệ sinh tim mạch:

- Cần khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn, tiên phòng các bệnh có hại cho tim mạch.
- Cần bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân có hại như: các chất kích thích (rượu, thuốc lá. Heroin..), các món ăn chứa nhiều mỡ động vật. một số virut. vi khuẩn gây bệnh...
- Cần rèn luyện hệ tim mạch thường xuyên, đều đặn. vừa sức bằng các hình thức thể dục, thể thao, xoa bóp.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 6

MÔN: SINH HỌC – LỚP 8

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

**Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1. Điền dấu X vào ô đúng hoặc sai trong bảng sau để xác định đúng đặc điểm của sự tiêu hoá trong khoang miệng:

Đặc điểm	Đúng	Sai
1. Biến đổi lý học là chủ yếu		
2. Lưỡi tham gia biến đổi hoá học thức ăn		
3. Có rất nhiều enzym tiêu hoá.		
4. Enzim tiêu hoá là amilaza.		
5. Chất được biến đổi hoá học là lipit.		
6. Protein không được biến đổi hoá học		
7. Enzim có tác dụng lên chất tinh bột (chín).		
8. Sản phẩm tạo ra từ biến đổi hoá học là các sản phẩm từ đường đơn		
9. Sản phẩm tạo ra là axit amin		
10. Có 3 loại răng tham gia biến đổi lý học.		
11. Độ pH phù hợp cho hoạt động của enzym là 7,2		
12. Sản phẩm tạo ra từ biến đổi hoá học là mantôzơ.		

Câu 2. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Các bệnh nào dễ truyền nhiễm qua đường tiêu hóa?

A. Bệnh SARS, bệnh lao phổi

B. Bệnh cúm, bệnh ho gà

C. Bệnh thương hàn, thổ tả, kiết lị. các bệnh về giun sán

D. Cúm, bệnh ho gà

2. Giúp tế bào trao đổi chất và điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào giữ vai trò quan trọng trong di truyền là:

A. Màng sinh chất.

B. Chất tế bào

C. Nhân tế bào.

D. Câu A và C đúng.

3. Khả năng người nào đã từng một lần bị bệnh nhiễm khuẩn nào đó, sau lần đó không mắc lại bệnh đó được gọi là:

- A. Miễn dịch bẩm sinh.
- B. Miễn dịch chủ động
- C. Miễn dịch tập nhiễm.
- D. Miễn dịch bị động.

4. Do đâu khi cơ co, tế bào cơ ngán lại

- A. Do các tơ cơ mảnh, co ngắn làm cho các đĩa sáng ngán lại
- B. Do các tơ cơ dày ngắn làm cho đĩa tối co ngắn,
- C. Do sự trượt lên nhau của các tơ cơ.
- D. Do tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho đĩa sáng ngán lại khiến tế bào cơ co ngắn.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1. Trình bày chức năng của các hệ cơ quan sau: hệ vận động, tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết, thần kinh.

Câu 2. Hệ tiêu hoá gồm những cơ quan nào? Cơ quan nào quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 3. Vì sao huyết áp trong tĩnh mạch rất nhỏ mà máu vẫn chuyển được qua tĩnh mạch về tim?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)****Câu 1.**

Những câu đúng: 1,4,6, 7, 10, 11, 12. Những câu sai: 2, 3, 5, 8, 9.

Câu 2.

1	2	3	4
C	D	C	D

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)**Câu 1.**

Hệ cơ quan	Chức năng của hệ cơ quan
Hệ vận động	Giúp cơ thể di chuyển trong không gian, thực hiện được các động tác lao động.
Hệ tiêu hoá	Biến đổi thức ăn thành những chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải chất bã ra ngoài.
Hệ tuần hoàn	Vận chuyển các chất dinh dưỡng, ôxi và các hoocmôn đến từng tế bào và vận chuyển chất thải, CO ₂ để đưa ra ngoài cơ thể.
Hệ hô hấp	Đưa O ₂ từ không khí vào phổi và thải CO ₂ ra ngoài
Hệ bài tiết	Lọc từ máu những chất thừa có hại cho cơ thể để thải ra ngoài.
Hệ thần kinh	Điều khiển, điều hòa và phối hợp hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

Câu 2.

Hệ tiêu hoá gồm ống tiêu hoá và tuyến tiêu hóa

- Ống tiêu hoá gồm: khoang miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, hậu môn.
- Tuyến tiêu hoá: nước bọt, gan, tụy, dịch vị, dịch ruột.

Ruột non là cơ quan quan trọng nhất vì:

- Thức ăn xuống đến ruột non được biến đổi về mặt hoá học là chủ yếu.
- Ở ruột non nhờ có các tuyến tiêu hoá hỗ trợ như gan, tụy, các tuyến ruột nên ở ruột non có đủ các loại enzym phân giải, biến đổi hoàn toàn các phân tử phức tạp của thức ăn (gluxit, lipit, prôtêin) mà các phần trên ống tiêu hoá chưa biến đổi hoặc biến đổi chưa hoàn toàn.
- Đồng thời ruột non có cấu tạo phức tạp, đảm nhận chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng, nước, muối khoáng.

Câu 3. Huyết áp trong tĩnh mạch rất nhỏ mà máu vận chuyển được qua tĩnh mạch về tim là vì ngoài huyết áp còn có:

- Co bóp của các cơ quanh thành mạch
- Sức hút của lồng ngực khi hít vào
- Sức hút của tâm nhĩ khi dẫn ra.
- Van 1 chiều

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 7**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu 1. Chọn các từ hoặc cụm từ thích hợp sau ruột non, nghiền, dịch vị, ruột, protein, thức ăn, dạ dày, dinh dưỡng, tụy, nhào trộn để điền vào chỗ trống (...) thay cho các số 1,2,3 ... trong các câu sau:

Tại khoang miệng thức ăn bị cắt ... (1) ... và tẩm nước bọt. Thức ăn xuống đến ... (2) ... tiếp tục được nghiền nhỏ và ... (3) ... thấm đều với ... (4) ... Một phần thức ăn là ... (5) ... được biến đổi. Sau đó ... (6) ... được chuyển xuống ... (7) ... để các enzym của dịch ... (8) ... dịch ... (9) ... dịch mật tác dụng và biến đổi hoàn toàn thành chất ... (10) ...

Câu 2. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào là:

- A. Lưới nội chất B. Tế bào chất C. Nhân. D. Màng tế bào.

2. Hai tính chất cơ bản của xương là:

- A. Vận động và đàn hồi. B. Đàn hồi và rắn chắc,
C. Co rút và rắn chắc. D. Vận động và co rút

3. Nguồn cung cấp năng lượng cho cơ co là:

- A. Sự ôxi hoá chất dinh dưỡng trong cơ. B. Máu
C. Ôxi không khí. D. Chất dinh dưỡng của xương.

4. Trong cơ thể có các loại mô chính:

- A. Mô cơ, mô mỡ, mô liên kết và mô thần kinh.
B. Mô cơ, mô mỡ, mô liên kết và mô xương.
C. Mô cơ, mô biểu bì, mô liên kết và mô thần kinh
D. Mô cơ, mô xương, mô liên kết và mô thần kinh.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Cung phản xạ là gì? Nêu các yếu tố trong một cung phản xạ:

Câu 2. ở dạ dày có các hoạt động tiêu hoá nào? Trình bày quá trình biến đổi thức ăn của các hoạt động tiêu hoá đó.

Hãy giải thích nghĩa đen về mặt sinh học câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu”?

Câu 3. Em hãy nêu các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo cho sự tiêu hoá có hiệu quả.

----- **Hết** -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)****Câu 1.**

1. Nghiền 2. Dạ dày 3. Nhào trộn 4. Dịch vị 5. Protein
6. Thức ăn 7. Ruột non 8. Tụy 9. Ruột 10. Dinh dưỡng

Câu 2.

1	2	3	4
C	B	A	C

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

Cung phản xạ là con đường mà xung thần kinh truyền từ cơ quan thụ cảm (da ...) qua trung ương thần kinh đến cơ quan phản ứng (cơ, tuyến ...)

Một cung phản xạ gồm 5 yếu tố là: cơ quan thụ cảm, nơron hướng tâm, nơron trung gian, nơron li tâm và cơ quan phản ứng.

Câu 2.

Ở dạ dày có các hoạt động biến đổi lí học và biến đổi hoá học.

Biến đổi lí học: Nghiền, co bóp thức ăn, nhào trộn thức ăn với dịch vị và đẩy thức ăn xuống ruột non.

Biến đổi hoá học:

Giai đoạn đầu khi thức ăn chưa thấm dịch vị, enzym amilaza van tiếp tục biến đổi tinh bột chín thành đường mantôzơ; về sau chỉ có loại thức ăn protein được phân giải thành chất đơn giản hơn (gồm 3 - 10 axit amin) nhờ enzym pepsin. Các loại thức ăn khác không bị biến đổi.

Hãy giải thích nghĩa đen về mặt sinh học câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu”

Nhai kĩ làm thức ăn biến đổi thành những phần tử rất nhỏ, tạo điều kiện cho các enzym phân giải hết thức ăn, do đó có nhiều chất nuôi cơ thể hơn.

Câu 3.

Cần bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại.

Vệ sinh răng miệng đúng cách sau khi ăn để bảo vệ răng và các cơ quan khác trong khoang miệng.

Ăn uống hợp vệ sinh để tránh các tác nhân gây hại cho các cơ quan tiêu hóa.

Thiết lập khẩu phần ăn hợp lí để đảm bảo đủ dinh dưỡng và tránh cho các cơ quan tiêu hóa phải làm việc quá sức.

Ăn chậm nhai kĩ: ăn đúng giờ, đúng bữa, hợp khẩu vị; tạo bầu không khí vui vẻ thoải mái khi ăn; sau khi ăn cần có thời gian nghỉ ngơi hợp lí để sự tiêu hóa được hiệu quả.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 8**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**Câu 1.** là nơi thực hiện các hoạt động sống của tế bào.

- A. Màng sinh chất. B. Chất tế bào. C. Nhân tế bào. D. Câu A và C đúng.

Câu 2. Gây cho cơ thể khả năng tạo ra kháng thể bằng cách tiêm chủng vacxin được gọi là:

- A. Miễn dịch bẩm sinh B. Miễn dịch nhân tạo
C. Miễn dịch tập nhiễm. D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 3. Các bệnh nào dễ truyền nhiễm qua đường hô hấp?

- A. Bệnh Sars, bệnh lao phổi
B. Bệnh cúm, bệnh ho gà
C. Bệnh thương hàn, thổ tả, kiết lỵ, các bệnh về giun sán
D. Câu A và B đúng.

Câu 4. Trong thành phần hoá học của tế bào, các hợp chất nào là cơ sở vật chất chủ yếu của sự sống?

- A. Gluxit B. Lipit
C. Prôtêin và axit nucleic D. Nước và muối khoáng

Câu 5. Tế bào nào sau đây có kích thước lớn nhất?

- A. Tế bào tinh trùng B. Tế bào trứng C. Tế bào thần kinh D. Tế bào cơ

Câu 6. về mặt sinh học, câu thành ngữ “nhai kỹ no lâu” có ý nghĩa gì?

- A. Nhai kỹ thì ăn được nhiều hơn
B. Nhai kỹ làm thức ăn biến đổi thành những phân tử rất nhỏ, tạo điều kiện cho các enzym phân giải hết thức ăn, do đó có nhiều chất nuôi cơ thể hơn.
C. Nhai kỹ thời gian tiết nước bọt lâu hơn
D. Nhai kỹ tạo cho ta cảm giác ăn nhiều nên no lâu

Câu 7. Cấu tạo sợi nhánh và sợi trục của nơron khác nhau căn bản nhất ở điểm nào?

- A. Sợi nhánh là loại tua ngắn, sợi trục là loại tua dài.
B. Sợi nhánh có thể gồm nhiều sợi, sợi trục chỉ gồm một sợi
C. Sợi trục có bao miêlin, sợi nhánh không có

D. Xung thần kinh bao giờ cũng đi từ sợi nhánh vào thân noron và từ thân ra sợi trục.

Câu 8. Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể người?

A. Các cơ quan trong cơ thể người đều được cấu tạo bởi tế bào

B. Các hoạt động sống của tế bào là cơ sở cho các hoạt động sống của cơ thể

C. Khi toàn bộ các tế bào bị chết thì cơ thể sẽ chết.

D. Câu A và B đúng.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Sự thực bào là gì? Do những loại bạch cầu nào thực hiện? Nêu sự khác nhau về hoạt động bảo vệ cơ thể của tế bào limphô B và tế bào limphô T.

Câu 2. Hãy mô tả tóm tắt đường đi của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ và vai trò của nó.

Câu 3. Các thành phần cấu tạo chủ yếu của hệ hô hấp và chức năng của nó là gì?

Câu 4. Nêu các biện pháp vệ sinh tim mạch.

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
B	B	D	C	B	B	A	D

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

Sự thực bào: là hiện tượng các bạch cầu hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn vào trong tế bào rồi tiêu hoá chúng.

Do bạch cầu trung tính và đại thực bào (bạch cầu mônô) thực hiện.

Sự khác nhau về hoạt động bảo vệ cơ thể của tế bào limphô B và tế bào limphô T:

- Tế bào Limphô B có khả năng tiết ra loại protein đặc hiệu (trong miễn dịch học gọi là kháng thể) để vô hiệu hoá các phân tử ngoại lai có trên bề mặt vi khuẩn, virus hay trong các nọc độc của rắn, ong... (trong miễn dịch học gọi là kháng nguyên).
- Khi vi khuẩn, virus gây nhiễm các tế bào cơ thể thì các tế bào bị gây nhiễm này sẽ bị phân hủy do một loại protein đặc hiệu mà tế bào Limphô T tiết ra làm tan màng tế bào và tế bào nhiễm bị phá hủy.

Câu 2.

Vòng tuần hoàn nhỏ: Máu từ tâm thất phải theo động mạch phổi đến mao mạch phổi (trao đổi khí) theo tĩnh mạch phổi về tâm nhĩ trái.

Vai trò của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ:

- Dẫn máu qua phổi
- Giúp máu trao đổi O_2 và CO_2 .

Câu 3.

Hệ hô hấp gồm: Các cơ quan ở đường dẫn khí và 2 lá phổi

Chức năng của các thành phần trong hệ hô hấp:

Đường dẫn khí có chức năng:

- Dẫn khí vào và ra
- Làm ẩm, làm ấm không khí đi vào phổi
- Bảo vệ phổi.

Phổi là nơi trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài.

Câu 4.

Các biện pháp vệ sinh tim mạch:

- Cần khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn, tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch.

- Cần bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân có hại như: các chất kích thích (rượu, thuốc lá, hêrôin ...), các món ăn chứa nhiều mỡ động vật, một số virus, vi khuẩn gây bệnh.
- Cần rèn luyện hệ tim mạch thường xuyên, đều đặn, vừa sức bằng các hình thức thể dục, thể thao, xoa bóp...
- Lựa chọn hình thức rèn luyện thích hợp.
- Tạo cuộc sống tinh thần thoải mái vui vẻ

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 9**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**Câu 1.** Nơi tổng hợp protein trong tế bào là:

- A. Lưới nội chất. B. Ti thể C. Ribôxôm. D. Bộ máy gôngi.

Câu 2. Hiện tượng bạch cầu bao lấy và nuốt vi khuẩn gây bệnh được gọi là:

- A. Sự bài tiết B. Sự hấp thụ C. Sự thực bào. D. Sự trao đổi chất.

Câu 3. Mỗi chu kì co giãn của tim kéo dài khoảng:

- A. 0,1s B. 0 3s. C. 0,4s. D. 0,8s.

Câu 4. Đặc điểm cấu tạo của phổi làm tăng bề mặt trao đổi khí là:

- A. Có 2 lớp màng giữa có dịch B. Có khoảng 700 - 800 triệu phế nang
C. Có thể nở ra theo lồng ngực D. Cả A và B.

Câu 5. Nơi tổng hợp protein trong tế bào là:

- A. Ribôxôm B. Ti thể. C. Lưới nội chất D. Bộ máy Gôngi.

Câu 6. Trong cơ thể mô thần kinh có chức năng gì?

- A. Co, giãn B. Nâng đỡ, liên hệ.
C. Bảo vệ, hấp thụ, bài tiết. D. Tiếp nhận, trả lời các kích thích.

Câu 7. Xương to ra là nhờ:

- A. Sự phân chia của tế bào mô xương cứng.
B. Sự phân chia của tế bào sụn tăng trưởng
C. Sự phân chia của tế bào khoang xương
D. Sự phân chia của tế bào màng xương.

Câu 8. Ở khoang miệng, thức ăn được biến đổi về mặt cơ học:

- A. Làm nhuyễn và nhào trộn với pepsin. B. Cắn xé, làm nhuyễn và nhào trộn với amilaza
C. Cắn xé, vo viên và nhào trộn với amilaza D. Cắn xé, vo viên và tẩm dịch vị.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

a. Miễn dịch là gì? Nêu sự khác nhau của miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.

b. Vì sao có người bị bệnh thương hàn, sau khi khỏi thì cả đời không mắc lại bệnh đó nữa ? Đây là miễn dịch tự nhiên hay miễn dịch nhân tạo?

Câu 2. Những đặc điểm cấu tạo nào của ruột non giúp nó đảm nhiệm tốt vai trò hấp thụ các chất dinh dưỡng?

Câu 3. Nêu các biện pháp bảo vệ, rèn luyện hệ hô hấp.

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
C	C	D	D	A	D	D	C

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

a. Miễn dịch là khả năng cơ thể không, bị mắc một bệnh nào đó.

Nêu sự khác nhau của miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.

Miễn dịch tự nhiên	Miễn dịch nhân tạo
<ul style="list-style-type: none"> Tự cơ thể có khả năng không mắc một số bệnh ngay lúc mới sinh hoặc sau một lần mắc bệnh ấy. Gồm miễn dịch bẩm sinh và miễn dịch tập nhiễm. 	<ul style="list-style-type: none"> Do con người tạo ra cho cơ thể bằng cách tiêm chủng phòng bệnh hoặc bằng cách tiêm huyết thanh

Miễn dịch tự nhiên: không mắc lại vì bạch cầu đã quen diệt loại vi khuẩn đó; trong máu đã có sẵn loại kháng thể chống vi khuẩn thương hàn.

Câu 2.

Những đặc điểm cấu tạo của ruột non giúp nó đảm nhiệm tốt vai trò hấp thụ các chất dinh dưỡng:

- Niêm mạc ruột có nhiều nếp gấp
- Có nhiều lông ruột và lông ruột cực nhỏ làm cho diện tích bề mặt bên trong của ruột non tăng gấp khoảng 600 lần so với diện tích mặt ngoài.
- Mạng lưới mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc
- Ruột dài (2,8 đến 3 mét) Tổng diện tích bề mặt 500 m²

Câu 3. Các biện pháp bảo vệ, rèn luyện hệ hô hấp:

Cần tích cực xây dựng môi trường sống và làm việc có bầu không khí trong sạch, ít ô nhiễm bằng các biện pháp như:

- Trồng nhiều cây xanh
- Không xả rác bừa bãi
- Không hút thuốc lá
- Đeo khẩu trang chống bụi khi làm vệ sinh hay khi hoạt động ở môi trường nhiều bụi.
- Cần tích cực rèn luyện để có một hệ hô hấp khỏe mạnh bằng luyện tập thể dục thể thao phối hợp tập thở sâu và giảm nhịp thở thường xuyên, từ bé.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 10**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**Câu 1.** Vì sao khi còn bé, nếu gánh nặng thường xuyên thì sẽ không cao lên được?

- A. Vì xương không dài ra được
- B. Vì thiếu chất xương tạo xương mới.
- C. Vì hai tấm sụn hoá xương nhanh nên không dài ra được.
- D. Vì hai tấm sụn tăng trưởng ở gần hai đầu xương hoá xương hết nên xương không dài ra được.

Câu 2. Tật cong vẹo cột sống do nguyên nhân chủ yếu nào gây nên?

- A. Ngồi học không đúng tư thế.
- B. Đi giày, guốc cao gót.
- C. Thức ăn thiếu canxi.
- D. Thức ăn thiếu vitamin A, C và D.

Câu 3. Do đâu khi cơ co tế bào cơ ngán lại

- A. Do các tơ cơ mảnh co ngán lại làm cho các đĩa sáng ngán lại.
- B. Do các tơ cơ dày co ngán làm cho các đĩa tối co ngán.
- C. Do sự trượt lên nhau của các tơ cơ: lớp tơ cơ mảnh lồng vào lớp tơ cơ dày làm đĩa sáng ngán lại và tế bào cơ co ngán lại
- D. Các tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngán lại.

Câu 4. Cấu tạo sợi nhánh và sợi trục của noron khác nhau căn bản nhất ở điểm nào?

- A. Sợi nhánh là loại tua ngắn, sợi trục là loại tua dài.
- B. Sợi nhánh có thể gồm nhiều sợi, sợi trục chỉ gồm một sợi
- C. Sợi trục có bao miêlin, sợi nhánh kliôim có
- D. Xung thần kinh bao giờ cũng đi từ sợi nhánh vào thân noron và từ thân ra sợi trục.

Câu 5. Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể người?

- A. Các cơ quan trong cơ thể người đều được cấu tạo bởi tế bào
- B. Các hoạt động sống của tế bào là cơ sở cho các hoạt động sống của cơ thể
- C. Khi toàn bộ các tế bào bị chết thì cơ thể sẽ chết.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 6. Bào quan có chức năng thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm trong tế bào là:

A. Tì thể

B. Lưới nội chất

C. Ribôxôm

D. Bộ máy gôngi

Câu 7. Nơron có 2 tính chất cơ bản là:

A. Cảm ứng và hưng phấn

B. Co rút và dẫn truyền

C. Hưng phấn và dẫn truyền

D. Cảm ứng và dẫn truyền.

Câu 8. Cặp người bị tai nạn gãy xương cần phải làm gì?

A. Đặt nạn nhân nằm yên

B. Tiến hành sơ cứu

C. Nắn lại ngay chỗ xương gãy

D. Cả A và B.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Trình bày những điểm khác nhau giữa vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ?

Câu 2. Nêu vai trò của gan?

Câu 3. Trình bày vai trò của hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết trong sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
D	A	D	A	D	D	D	D

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Những điểm khác nhau giữa vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ.

Vòng tuần hoàn lớn	Vòng tuần hoàn nhỏ
Xuất phát từ tâm thất trái.	Xuất phát từ tâm thất phải.
Máu rời tim là máu đỏ tươi (giàu ôxi) theo động mạch chủ đến các cơ quan.	Máu rời tim là máu đỏ thẫm (nghèo ôxi) theo động mạch phổi đến phổi.
Sự trao đổi khí xảy ra giữa máu và tế bào.	Sự trao đổi khí xảy ra giữa máu và phế nang.
Sau trao đổi khí, máu trở nên nghèo ôxi đổ về tâm nhĩ phải của tim bằng tĩnh mạch chủ trên và tĩnh mạch chủ dưới	Sau trao đổi khí, máu trở nên giàu ôxi đổ về tâm nhĩ trái của tim bằng các tĩnh mạch phổi.
Mang khí ôxi cung cấp cho các tế bào và mang khí cacbôníc khỏi tế bào.	Đưa khí cacbôníc từ máu qua phế nang để đào thải và nhận khí ôxi cho máu
Vòng vận chuyển máu dài hơn vòng tuần hoàn nhỏ.	Vòng vận chuyển máu ngắn hơn vòng tuần hoàn lớn.

Câu 2. Vai trò của gan:

- Gan tiết dịch mật đổ vào túi mật để tiêu hoá thức ăn ở ruột non (tá tràng)
- Điều hòa nồng độ các chất dự trữ trong máu luôn ổn định, dự trữ.
- Khử độc.

Câu 3. Vai trò của hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết trong sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.

Hệ tiêu hóa: biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng, thải phân

Hệ hô hấp: lấy O_2 và thải CO_2

Hệ tuần hoàn: vận chuyển ôxi và chất dinh dưỡng tới tế bào và vận chuyển CO_2 tới phổi, chất thải tới các cơ quan bài tiết

Hệ bài tiết: lọc từ máu các chất thải → bài tiết qua nước tiểu.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 11**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**Câu 1.** Sự khác nhau căn bản nhất về chức năng giữa cơ vân và cơ trơn?

- A. Tế bào cơ vân có nhiều nhân, tế bào cơ trơn có một nhân
- B. Tế bào cơ vân có các vân ngang, tế bào cơ trơn không có
- C. Cơ vân gắn với xương, cơ trơn tạo nên thành nội quan
- D. Cơ trơn co rút không tự ý, cơ vân co rút tùy ý.

Câu 2. Enzim tiêu hoá tác động đến thức ăn như thế nào?

- A. Enzim tiêu hoá là loại xúc tác sinh học có tác dụng làm tăng tốc độ phản ứng
- B. Mỗi loại enzim tiêu hoá chỉ tác động được trong một môi trường nhất định, đến một loại thức ăn nhất định
- C. Có sự phối hợp giữa các enzim tiêu hoá trong việc biến đổi thức ăn từ những chất phức tạp thành những chất dinh dưỡng hấp thụ được.
- D. Câu B và C đúng.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho máu lưu thông trong mạch?

- A. Sự co dãn của tim.
- B. Sự co dãn của thành động mạch,
- C. Sự co rút của các cơ quanh thành mạch.
- D. Sức hút của tâm nhĩ.

Câu 4. Hô hấp gắng sức khác hô hấp thường như thế nào?

- A. Hô hấp gắng sức có dung lượng hô hấp lớn hơn hô hấp thường.
- B. Hô hấp gắng sức có số cơ tham gia nhiều hơn hô hấp thường.
- C. Hô hấp gắng sức là hoạt động có ý thức, hô hấp thường là hoạt động vô ý thức
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 5. Máu A cho được người có nhóm máu:

- A. Máu B
- B. Máu O.
- C. Máu A và máu B
- D. Máu A và máu AB.

Câu 6. Enzim pepsin chỉ hoạt động hiệu quả trong môi trường có:

- A. Axit HCl và nhiệt độ bình thường của cơ thể

- B. Axit HCl loãng và nhiệt độ bình thường của cơ thể
- C. Axit HCl đặc và nhiệt độ bình thường của cơ thể
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 7. Bào quan có chức năng tham gia quá trình phân chia tế bào là:

- A. Ti thể
- B. Nhân
- C. Ribôxôm
- D. Trung thể

Câu 8. Máu thực hiện trao đổi khí là máu ở trong:

- A. Động mạch
- B. Tĩnh mạch.
- C. Mao mạch
- D. Động mạch và tĩnh mạch.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Nêu đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn. Các biện pháp rèn luyện và bảo vệ hệ tim mạch?

Câu 2.

- a. Sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào xảy ra như thế nào?
- b. Vì sao phải thở không khí thoáng và sạch?

Câu 3. Thuốc lá có hại như thế nào đối với cơ thể?

----- **Hết** -----

**I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
D	D	A	D	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn: Máu đỏ tươi (giàu ôxi) từ tâm thất trái theo động mạch chủ tới mao mạch các cơ quan, tại đây thực hiện quá trình trao đổi chất và trao đổi khí. Máu nhường ôxi và chất dinh dưỡng cho các cơ quan hoạt động, lấy đi khí cacbôníc và các chất thải, máu đỏ thẫm theo tĩnh mạch chủ trở về tâm nhĩ phải.

Biện pháp:

- Tránh các tác nhân gây hại
- Tạo cuộc sống tinh thần thoải mái, vui vẻ.
- Lựa chọn cho mình một hình thức rèn luyện phù hợp
- Cần rèn luyện thường xuyên để nâng dần sức chịu đựng của cơ tim

Câu 2.**a. Sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào****Sự trao đổi khí ở phổi:**

- Máu đỏ thẫm từ tim chuyển lên phổi có ít O₂ và nhiều CO₂
- Tại phổi, trong phế nang có áp suất CO₂ thấp và O₂ cao nên xảy ra sự trao đổi khí thông qua lớp biểu bì mỏng của thành phế nang và thành mao quan theo hiện tượng khuếch tán.
- Áp suất CO₂ trong phế nang thấp hơn trong máu nên CO₂ trong phế nang và loại thải ra ngoài.
- Áp suất O₂ trong phế nang cao hơn trong máu nên O₂ ngấm từ phế nang vào máu.
- Sau khi trao đổi khí, máu trở nên đỏ tươi và được chuyển về tim rồi theo vòng tuần hoàn lớn cung cấp O₂ cho tế bào.

Sự trao đổi khí ở tế bào:

Trong tế bào có rất ít O₂ nhiều CO₂ giữa hai môi trường (tế bào và máu đỏ) dẫn đến sự trao đổi khí thông qua nước mô, O₂ khuếch tán qua thành mao mạch và màng tế bào để vào tế bào, còn CO₂ từ tế bào chuyển vào máu.

Sau đó máu được chuyển về tim, rồi lên phổi tiếp tục trao đổi khí.

b. Vì sao phải thở không khí thoáng và sạch:

Không khí thoáng: có nhiều O₂, ít CO₂ và không có khí độc.

Không khí sạch: có rất ít bụi và vi khuẩn gây bệnh.

Khi sống trong môi trường bị ô nhiễm, ta dễ nhiễm các bệnh về đường hô hấp, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và làm giảm năng suất lao động. Do đó môi trường không khí thoáng và sạch sẽ giúp cho ta tránh được những bệnh về đường hô hấp cũng như sức khỏe được tốt hơn, kéo dài tuổi thọ.

Câu 3.

Tác hại của thuốc lá đối với cơ thể:

- Trong khói thuốc lá có chất nicôtin. Nicôtin làm cho hoạt động của các lông rung động trên lớp màng nhầy lót trong khí quản bị tê liệt, mất khả năng tiết chất nhầy, do đó khả năng chống bụi và vi khuẩn qua đường hô hấp bị tê liệt, cơ thể dễ nhiễm bệnh về đường hô hấp.
- Thuốc lá gây tác hại đến hệ thần kinh, tim mạch, tiêu hóa, bài tiết...
- Thuốc lá còn ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ bản thân và của người xung quanh.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 12**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**Câu 1.** Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**1.** Trong cơ thể mô cơ có chức năng gì?

- A. Co, dẫn
B. Nâng đỡ, liên hệ.
C. Bảo vệ, hấp thụ, bài tiết.
D. Tiếp nhận, trả lời các kích thích

2. Một cung phản xạ gồm đầy đủ các thành phần sau:

- A. Noron hướng tâm, noron li tâm, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng
B. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng
C. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản xạ
D. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan phản xạ

3. Ở động mạch, máu được vận chuyển nhờ:

- A. Sức đẩy của tim và sự co dẫn của động mạch
B. Sức hút của lồng ngực khi hít vào và sức đẩy của tim
C. Sự co bóp của các cơ bắp quanh thành mạch và sức đẩy của tim
D. Sức hút của tâm nhĩ và sự co dẫn của động mạch

4. Trong các yếu tố sau, yếu tố nào đóng vai trò chủ yếu làm cho công lớn nhất?

- A. Tiết diện cơ to
B. Nhịp co thích hợp.
C. Khối lượng của vật tác động phải thích hợp
D. Tinh thần phấn khởi

5. Bộ xương người tiến hóa theo hướng nào?

- A. Thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao động.
B. Thích nghi với việc ăn thức ăn chín.
C. Thích nghi với khả năng tư duy trừu tượng.
D. Thích nghi với đời sống xã hội.

Câu 2. Hãy sắp xếp vị trí của các tuyến tiêu hoá tương ứng với các cơ quan tiêu hoá rồi ghi vào cột trả lời:

Cơ quan tiêu hóa	Trả lời	Tuyến tiêu hóa
Khoang miệng	1	Tuyến ruột
Dạ dày	2	Tuyến nước bọt
Ruột non	3	Tuyến vị
		Tuyến tụy
		Tuyến gan

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Chức năng của huyết tương, hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu?

Câu 2. Hãy giải thích để chứng minh tế bào là đơn vị cấu tạo của cơ thể

Câu 3. Sự biến đổi thức ăn trong khoang miệng, trong dạ dày xảy ra như thế nào? Em có nhận xét gì về sự biến đổi này?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Câu 1.

1	2	3	4	5
A	B	A	A	A

Câu 2.

1	2	3
b	c	a, d, e

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Chức năng của huyết tương, hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu:

Huyết tương:

- Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch
- Vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải.

Hồng cầu: Vận chuyển O_2 và CO_2

Bạch cầu: tham gia bảo vệ cơ thể bằng các cơ chế thực bào, tạo kháng thể để vô hiệu hoá kháng nguyên, phá huỷ các tế bào đã bị nhiễm bệnh.

Tiểu cầu: tham gia vào quá trình đông máu.

Câu 2.

Cơ thể được cấu tạo từ nhiều hệ cơ quan; mỗi hệ cơ quan do nhiều cơ quan hợp lại; mỗi cơ quan được tập hợp bởi nhiều mô có chức năng giống nhau; mỗi mô do nhiều tế bào có hình dạng, cấu tạo và chức năng giống nhau tạo thành.

Mọi cơ thể từ đơn bào đến đa bào đều có cấu tạo từ tế bào.

Tất cả mọi tế bào trong cơ thể đều có cấu tạo rất giống nhau, bao gồm:

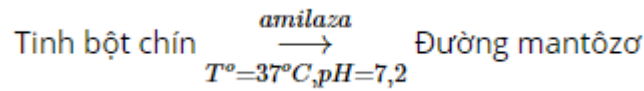
- Màng sinh chất.
- Chất tế bào có chứa các bào quan như: ti thể, bộ máy gôngi, lưới nội chất, ribôxôm...
- Nhân tế bào gồm màng nhân, nhiễm sắc thể, nhân con.

Vì vậy, tế bào được xem là đơn vị cấu tạo của cơ thể.

Câu 3.

Sự biến đổi thức ăn trong khoang miệng:

- Biến đổi cơ học: thức ăn được răng cắn, xé, nghiền nhỏ, thấm đều nước bọt.
- Biến đổi hóa học: trong nước bọt chỉ có 1 loại enzym tiêu hóa là amilaza có tác dụng biến đổi:

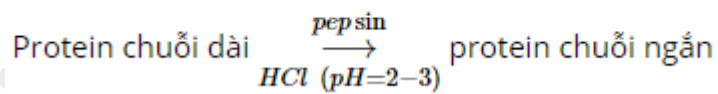
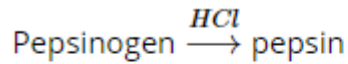


Sự biến đổi thức ăn trong dạ dày:

- Biến đổi cơ học: dưới tác dụng co bóp của 3 thứ cơ (cơ dọc, cơ vòng, cơ chéo) thức ăn được nghiền, co bóp, nhào trộn và thấm đều dịch vị.
- Biến đổi hóa học: dạ dày tiết ra dịch vị. trong dịch vị có enzym pepsin và HCl

Enzim pepsin có tác dụng biến đổi protein chuỗi dài thành prôtein chuỗi ngắn.

Sơ đồ như sau:



Gluxit, lipid: không bị biến đổi ở dạ dày.

Nhận xét:

- Trong khoang miệng và dạ dày thức ăn được biến đổi cơ học là chủ yếu còn sự biến đổi hóa học không đáng kể.
- Gluxit, protein mới chỉ được biến đổi một phần còn lipid chưa bị biến đổi
- Đây chỉ là bước đầu của quá trình biến đổi thức ăn trong cơ thể.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 13

MÔN: SINH HỌC – LỚP 8

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

**Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**Câu 1.** Trong thành phần hoá học của tế bào, các hợp chất nào là cơ sở vật chất chủ yếu của sự sống?

- A. Gluxit
B. Lipit
C. Protein và axit nuclêic
D. Nước và muối khoáng

Câu 2. Sự tiến hoá của bộ xương người so với bộ xương thú thể hiện chủ yếu ở 1 những điểm nào?

- A. Sự phân hoá giữa chi trên và chi dưới
B. Cột sống và lồng ngực
C. Hộp sọ và cách dính hộp sọ vào cột sống.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 3. Lượng khí đưa vào phổi qua một lần hít vào hình thường là:

- A. 500ml
B. 1500ml
C. 1000ml
D. 800ml

Câu 4. Hô hấp gắng sức khác hô hấp thường như thế nào?

- A. Hô hấp gắng sức có dung lượng hô hấp lớn hơn hô hấp thường.
B. Hô hấp gắng sức có số cơ tham gia nhiều hơn hô hấp thường.
C. Hô hấp gắng sức là hoạt động có ý thức, hô hấp thường là hoạt động vô thức
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 5. Khả năng người nào đã từng một lần bị bệnh nhiễm khuẩn nào đó, sau lần đó không mắc lại bệnh đó nữa, được gọi là:

- A. Miễn dịch bẩm sinh
B. Miễn dịch chủ động
C. Miễn dịch tập nhiễm.
D. Miễn dịch bị động

Câu 6. Loại tế bào máu làm nhiệm vụ vận chuyển O_2 và CO_2 là:

- A. Bạch cầu.
B. Hồng cầu.
C. Tiểu cầu.
D. Câu B và C

Câu 7. Các chất dinh dưỡng được hấp thụ ở đoạn nào của ruột non?

- A. Tá tràng
B. Phần giữa của ruột non
C. Phần cuối của ruột non.
D. Phần đầu của ruột non.

Câu 8. Những yếu tố nào làm thay đổi nhịp tim?

- A. Trạng thái sinh lí của cơ thể
B. Ảnh hưởng của môi trường ngoài,
C. Tâm vóc, giới tính
D. Câu A và B đúng.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Ở ruột non có các tuyến tiêu hoá nào? Nêu tác dụng của các tuyến tiêu hoá đó trong quá trình biến đổi thức ăn.

Câu 2. Hãy giải thích để chứng minh tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể.

Câu 3. Tại sao phải ăn sạch, uống sạch? Ăn uống khoa học có ích lợi gì cho sự tiêu hóa?

----- **Hết** -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

1	2	3	4	5	6	7	8
C	D	A	D	C	B	D	D

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.**

Ở ruột non có 3 tuyến tiêu hoá: tuyến tụy (tiết dịch tụy), tuyến ruột (tiết dịch ruột), tuyến gan (tiết dịch mật)

Tác dụng của 3 tuyến tiêu hoá đó:

- Dịch tụy do tuyến tụy tiết ra đổ vào tá tràng. Trong dịch tụy có các enzym tiêu hóa hoạt động trong môi trường kiềm.

Amilaza: biến đổi tinh bột chín thành đường mantôzơ.

Mantaza: biến đổi mantôzơ thành glucôzơ.

Tripsin: biến đổi thành protein thành pôlipeptit rồi thành axit amin.

Lipaza: biến đổi lipit thành glixêrin và axit béo.

- Mật do gan tiết ra và được dự trữ trong túi mật .Mật có tác dụng:

Giúp cho sự tiêu hóa và hấp thu lipit dễ dàng.

Nhũ tương hóa mỡ để lipaza hoạt động tốt.

Tạo môi trường kiềm để bảo đảm cho sự hoạt động của các enzym trong dịch tụy, dịch ruột

Giúp cho các vitamin A, D, E, K hấp thu từ ruột vào máu dễ dàng

- Dịch ruột do các tuyến ruột tiết ra, đóng nhiệm vụ tiêu hóa nốt những thức ăn chưa được biến đổi bởi nước bọt. dịch vị và dịch tụy thành những chất đơn giản

Câu 2.

Tất cả các hoạt động sống của cơ thể đều xảy ra ở tế bào như:

Màng sinh chất: nơi thực hiện sự trao đổi chất giữa tế bào với môi trường.

Chất tế bào: là nơi xảy ra các hoạt động sống như:

- Ti thể: tham gia hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng.
- Ribôxôm là nơi xảy ra tổng hợp prôtêin.
- Bộ máy gôngi: thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm cho tế bào.
- Trung thể: tham gia quá trình phân chia tế bào
- Lưới nội chất: tổng hợp và vận chuyển các chất.

Nhân tế bào: có chứa nhiễm sắc thể, có vai trò quan trọng trong sự di truyền. Nhân con có màng nhân, giúp trao đổi chất giữa nhân và tế bào chất...

Tất cả các hoạt động nói trên xảy ra trong tế bào làm cơ sở cho các hoạt động sống của cơ thể. (Hay nói cách khác các hoạt động sống của cơ thể có cơ sở là các hoạt động sống của tế bào)

- Sự trao đổi chất của tế bào là cơ sở cho sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.
- Sự sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự sinh trưởng và sinh sản của cơ thể.
- Sự cảm ứng của tế bào là cơ sở cho sự phản ứng của cơ thể với kích thích của môi trường ngoài.

Vì vậy tế bào được xem là đơn vị chức năng và là đơn vị của sự sống cơ thể.

Câu 3.

Phải ăn sạch, uống sạch vì: nhờ ăn sạch, uống sạch mà ta sẽ tránh được những tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể.

- Qua thức ăn và nước uống không hợp vệ sinh các mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể gây nên các bệnh truyền nhiễm như: tả, lỵ, thương hàn.
- Do đó phải ăn chín, uống sôi, khi dùng rau quả phải rửa kỹ, ngâm nước muối để đảm bảo vệ sinh và giúp cơ thể khỏe mạnh.

Ăn uống khoa học sẽ giúp cho sự tiêu hóa được tốt hơn và nhờ đó cơ thể sẽ tận dụng được các chất do bữa ăn cung cấp.

- Phải thiết lập khẩu phần ăn hợp lí, ăn uống hợp vệ sinh
- Phải ăn uống đúng giờ, khâu chế biến thức ăn sẽ giúp ăn ngon miệng
- Trong khi ăn cần vui vẻ, thoải mái, tránh phân tâm, nhai kỹ, sau khi ăn phải nghỉ ngơi để giúp cho sự tiêu hóa được tốt giúp cơ thể khỏe mạnh.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 14

MÔN: SINH HỌC – LỚP 8

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Các tuyến Amidan và tuyến V.A nằm ở:

- A. Xoang mũi B. Thanh quản C. Phế quản D. Họng

2. Hoạt động của van trong pha thất co là:

- A. Van nhĩ thất mở, van động mạch đóng. B. Cả 2 van cùng mở.
C. Van nhĩ thất đóng, van động mạch mở. D. Cả 2 van cùng đóng.

3. Máu thực hiện trao đổi khí là máu ở trong:

- A. Động mạch. B. Tĩnh mạch.
C. Mao mạch. D. Động mạch và tĩnh mạch.

4. Đặc điểm cấu tạo chủ yếu của dạ dày là:

- A. Có lớp cơ rất dày và khỏe B. Có 2 lớp cơ vòng và dọc.
C. Có lớp niêm mạc với nhiều tuyến tiết dịch vị. D. Câu A và C

Câu 2. Tìm cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

a. Các chất dinh dưỡng được hấp thụ và vận chuyển theo hai con đường: đườngvà đường

b. Sự hấp thụ các chất dinh dưỡng diễn ra chủ yếu ở.....

c. Ở dạ dày, protein chuỗi dài $\xrightarrow[\text{pepsin}]{\text{HCl}}$

d. Ở khoang miệng $\xrightarrow[t^{\circ}=37^{\circ}\text{C}, \text{pH}=2-3]{\text{amilaza}}$ mantôzơ

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Kể tên các tuyến tiêu hoá ở người

Câu 2. Nêu đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng.

Câu 3. Nêu vai trò của gan trong quá trình tiêu hoá ở cơ thể người.

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Câu 1.

1	2	3	4
D	C	C	D

Câu 2.

a. Máu - Bạch huyết b. Ruột non c. Protein chuỗi ngắn d. Gluxit

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. Kể tên các tuyến tiêu hoá ở người.

- Tuyến nước bọt
- Tuyến vị
- Tuyến gan
- Tuyến tụy
- Tuyến ruột

Câu 2. Đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng.

- Ruột non là đoạn dài nhất của ống tiêu hoá (2,8 - 3 mét)
- Lớp niêm mạc có nhiều nếp gấp với các lông ruột và lông cực nhỏ làm tăng diện tích tiếp xúc
- Có mạng mao mạch máu và mạch bạch huyết dày đặc phân bố tới từng lông ruột

Câu 3. Vai trò của gan trong quá trình tiêu hoá ở cơ thể người

- Tiết dịch mật giúp tiêu hoá thức ăn
- Điều hòa nồng độ các chất trong máu được ổn định
- Lọc bỏ các chất độc trong máu.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 15**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)**Câu 1.** Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

- Nguyên nhân nào dẫn tới sự khác nhau giữa hệ xương người và bộ xương thú?
 - Đứng thẳng và lao động.
 - Ăn thịt, ăn chín,
 - Có tư duy trừu tượng
 - Sống thành xã hội
- Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể người?
 - Các cơ quan trong cơ thể người đều được cấu tạo bởi tế bào
 - Các hoạt động sống của tế bào là cơ sở cho các hoạt động sống của cơ thể
 - Khi toàn bộ các tế bào bị chết thì cơ thể sẽ chết.
 - Câu A và B đúng.
- Vừa tham gia dẫn khí hô hấp, vừa là bộ phận của cơ quan phát âm là:
 - Khí quản
 - Phổi
 - Thanh quản
 - Phế quản
- Enzim tiêu hoá tác động đến thức ăn như thế nào?
 - Enzim tiêu hoá là loại xúc tác sinh học có tác dụng làm tăng tốc độ phản ứng.
 - Mỗi loại enzim tiêu hoá chỉ tác động được trong một môi trường nhất định, đến một loại thức ăn nhất định.
 - Có sự phối hợp giữa các enzim tiêu hoá trong việc biến đổi thức ăn từ những chất phức tạp thành những chất dinh dưỡng hấp thụ được.
 - Câu B và C đúng.
- Loại bạch cầu nào diệt khuẩn bằng cách thực bào?
 - Bạch cầu ưa axit
 - Limphô bào B và T
 - Bạch cầu timig tính và đại thực bào (bạch cầu đơn nhân)
 - Bạch cầu ưa kiềm
- Một cung phản xạ gồm đầy đủ các thành phần sau:
 - Noron hướng tâm. noron li tâm, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng

- B. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng
- C. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản xạ
- D. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan phản xạ

Câu 2. Chọn các cụm từ: cầu tạo cặiiia tim, từ' tâm thất, chu kì, pha dẫn chung điền vào chỗ trống (...) thay cho các số 1,2, 3... để hoàn chỉnh các câu sau:

Tim co dẫn theo ... (1) ... Mỗi chu kì gồm 3 pha: pha nhĩ co, pha thất co ... (2) ...

Sự phối hợp hoạt động của các thành phần ... (3) ... qua 3 pha làm cho máu được bơm theo một chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và ... (4) ... vào động mạch.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1. Huyết áp là gì? Nguyên nhân nào làm cho máu chảy nhanh ở cung động mạch, chậm ở mao mạch?

Điều này có ý nghĩa gì?

Câu 2. Ở dạ dày có những hoạt động tiêu hoá nào?

Câu 3. Vai trò chủ yếu của ruột già trong quá trình tiêu hoá là gì?

Câu 4. Muốn nấu thịt mau mềm, người ta thường cho thêm vào trái gì khi nấu thịt? Tại sao?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)****Câu 1.**

1	2	3	4	5	6
A	D	C	D	C	B

Câu 2.

(1) - chu kì (2) - pha dẫn chung, (3) - cấu tạo của tim, (4) - từ tâm thất.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)**Câu 1.**

- Huyết áp là áp lực của máu lên thành mạch do tâm thất co và dẫn, có huyết áp tối đa và huyết áp tối thiểu. Càng chảy về gần tim thì huyết áp càng giảm. Huyết áp là chỉ số biểu thị sức khỏe.
- Nguyên nhân: Do sự giảm dần của huyết áp. Nhờ chảy nhanh trong động mạch, máu tới các cơ quan được kịp thời, tại các tế bào của cơ quan, máu chảy chậm giúp cho sự trao đổi chất diễn ra đầy đủ.

Câu 2. Ở dạ dày diễn ra các hoạt động tiêu hoá sau:

- Tiết dịch vị
- Biến đổi lí học của thức ăn
- Biến đổi hoá học của thức ăn
- Đẩy thức ăn từ dạ dày xuống ruột

Câu 3. Vai trò chủ yếu của ruột già trong, quá trình tiêu hoá là:

- Hấp thu thêm phần nước còn cần cho cơ thể
- Thải phân ra môi trường ngoài.

Câu 4. Muốn nấu thịt mau mềm, người ta thường cho thêm trái đu đủ non vào nấu cùng với thịt. Vì trong trái đu đủ non có pepsin là một enzym có tác dụng phân cắt protein (enzim pepsin cũng có ở dạ dày).

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 16**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4,5 điểm)**Câu 1.** Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**1.** Tế bào máu nào sau đây có khả năng thực bào?

- A. Bạch cầu đơn nhân và tiểu cầu
- B. Hồng cầu và tiểu cầu
- C. Hồng cầu và bạch cầu trung tính
- D. Bạch cầu trung tính và bạch cầu đơn nhân.

2. Tật cong vẹo cột sống do nguyên nhân chủ yếu nào gây nên?

- A. Ngồi học không đúng tư thế.
- B. Đi giày, guốc cao gót.
- C. Thức ăn thiếu canxi
- D. Thức ăn thiếu vitamin A, C, D.

3. Những mạch máu nào nằm sát da mu bàn tay, có thể trông thấy rất rõ ở người già, thuộc loại mạch máu nào dưới đây?

- A. Động mạch
- B. Tĩnh mạch
- C. Mao mạch
- D. Mạch bạch huyết

4. Vì sao khi còn bé, nếu gánh nặng thường xuyên thì sẽ không cao lên được?

- A. Vì xương không dài ra được
- B. Vì thiếu chất xương tạo xương mới
- C. Vì hai tấm sụn hoá xương nhanh nên không dài ra được.
- D. Vì hai tấm sụn tăng trưởng ở gần hai đầu xương hoá xương hết nên xương không dài ra được.

Câu 2. Hãy sắp xếp các bào quan tương ứng với các chức năng của chúng bằng cách ghép chữ cái (a, b, c...) với số (1, 2, 3 ...) rồi điền vào phần trả lời:

Chức năng	Trả lời	Bào quan
1. Nơi tổng hợp protein	1.....	a. Lưới nội chất
2. Liên hệ giữa các bào quan trong tế bào	2.....	b. Ti thể.
3. Tham gia hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng	3.....	c. Ribôxôm
4. Cấu trúc quy định sự hình thành protein	4.....	d. Bộ máy gôngi
5. Thu hồi tích trữ, phân phối sản phẩm trong hoạt động sống của tế bào.	5.....	e. Nhiễm sắc thể

II. TỰ LUẬN: (5,5 điểm)

Câu 1. Máu gồm những thành phần nào? Trong quá trình đông máu tiểu cầu đóng vai trò gì? Ở người có nhóm máu nào?

Câu 2. Phân biệt sự trao đổi chất ở cấp độ cơ thể và trao đổi chất ở cấp độ tế bào?

Câu 3. Gan đảm nhiệm những vai trò gì trong quá trình tiêu hoá ở cơ thể người?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4,5 điểm)****Câu 1.**

1	2	3	4
D	A	B	D

Câu 2.

1	2	3	4	5
c	a	b	e	d

II. TỰ LUẬN: (5,5 điểm)**Câu 1.**

Máu gồm các thành phần: huyết tương và các tế bào máu. Các tế bào máu gồm hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

Trong quá trình đông máu, các tiểu cầu đóng vai trò:

- Bám vào vết rách và bám vào nhau để tạo thành nút tiểu cầu bịt tạm thời vết rách.
- Giải phóng chất giúp hình thành búi tơ máu để tạo thành các khối máu đông.

Ở người có 4 nhóm máu: A, B, AB và O

Câu 2.

Trao đổi chất O_2 cấp độ cơ thể là sự trao đổi vật chất giữa hệ tiêu hoá, hô hấp, bài tiết với môi trường ngoài. Cơ thể lấy thức ăn. Nước, muối khoáng, O_2 từ môi trường ngoài và thải ra khí CO_2 , chất thải ra môi trường ngoài.

Trao đổi chất ở cấp độ tế bào, các chất dinh dưỡng và O_2 tiếp nhận từ máu và nước mô được tế bào sử dụng cho các hoạt động sống; đồng thời các sản phẩm phân hủy được thải vào môi trường trong đưa tới cơ quan bài tiết, còn khí CO_2 được đưa tới phổi để thải ra ngoài.

Câu 3. Gan đảm nhiệm các vai trò sau trong quá trình tiêu hoá của cơ thể người:

- Tiết ra dịch mật giúp tiêu hoá lipit
- Khử các chất độc lọt vào mao mạch máu cùng các chất dinh dưỡng
- Điều hòa nồng độ các chất dinh dưỡng trong máu được ổn định

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 17

MÔN: SINH HỌC – LỚP 8

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

**Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4,5 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Xương của sọ có cấu trúc xương đôi (2 chiếc) là:

- A. Xương trán
- B. Xương chẩm
- C. Xương sàng
- D. Xương thái dương

2. Vai trò của ruột già là:

- A. Hấp thụ lại nước và thải phân
- B. Thải phân
- C. Là nơi chứa phân
- D. Câu A và C đúng

3. Các chức năng của gan là:

- A. Điều hòa nồng độ các chất dinh dưỡng trong máu được ổn định.
- B. Khử các chất độc có hại với cơ thể
- C. Tiết dịch mật giúp tiêu hoá lipit.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 2. Chọn cụm từ: chất tế bào, cấu tạo, chức năng, màng sinh chất điền vào chỗ trống (...) thay cho các số 1, 2, 3 ... để hoàn chỉnh các câu sau:

Tế bào là đơn vị ... (1) ... và cũng là đơn vị ... (2) ... của cơ thể. Tế bào được bao bọc bằng lớp ... (3) ... có chức năng thực hiện trao đổi chất giữa tế bào với môi trường trong cơ thể. Trong màng là ... (4) ... có các bào quan như lưới nội chất, ribôxôm, bộ máy gôngi, ti thể..., ở đó diễn ra mọi hoạt động sống của tế bào.

Câu 3. Nối các thành phần máu ở cột (A) với chức năng của chúng ở cột (B) sao cho phù hợp và (tiếp vào phần trả lời ở cột (C) trong bảng dưới đây:

Thành phần của máu (A)	Chức năng (B)	Trả lời (C)
1. Huyết tương	1. Bảo vệ cơ thể, diệt khuẩn	1.....
2. Hồng cầu	2. Làm máu đông, bịt kín vết thương	2.....
3. Bạch cầu	3. Vận chuyển chất dinh dưỡng	3.....
4. Tiểu cầu.	4. Vận chuyên các hoocmôn tới tế bào	4.....
	5. Vận chuyên O_2 và CO_2	
	6. Cân bằng nước và muối khoáng	

II. TỰ LUẬN (5,5 điểm)

Câu 1. Vòng tuần hoàn lớn: hãy mô tả tóm tắt đường đi của máu và nêu vai trò.

Câu 2. So sánh để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau giữa hai phương pháp hô hấp nhân tạo.

Câu 3. Với khẩu phần bữa ăn đầy đủ các chất và sự tiêu hoá diễn ra có hiệu quả thì thành phần các chất dinh dưỡng sau tiêu hóa ở ruột non là gì?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4,5 điểm)**

Câu 1.

1	2	3
D	A	D

Câu 2. (1) - cấu tạo, (2) - chức năng, (3) - màng sinh chất, (4) - chất tế bào.

Câu 3.

1	2	3	4
c, d, g	e	a	b

II. TỰ LUẬN: (5,5 điểm)

Câu 1.

Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn:

Máu đỏ tươi (giàu ôxi) từ tâm thất trái theo động mạch chủ tới mao mạch các cơ quan, tại đây thực hiện quá trình trao đổi chất và trao đổi khí. Máu nhường ôxi và chất dinh dưỡng cho các cơ quan hoạt động, lấy đi khí cacbonic và các chất thải, máu đỏ thẫm theo tĩnh mạch chủ trở về tâm nhĩ phải.

Vai trò: Vòng tuần hoàn lớn dẫn máu qua tất cả các tế bào của cơ thể để thực hiện sự trao đổi chất.

Câu 2.

Giống nhau:

- Mục đích: phục hồi sự hô hấp bình thường của nạn nhân
- Cách tiến hành:
Thông khí ở phổi của nạn nhân với nhịp 12 – 20 lần/phút
Lượng khí được thông trong mỗi nhịp ít nhất là 200ml

Khác nhau:

Cách tiến hành:

- Phương pháp hà hơi thổi ngạt: dùng miệng thổi không khí trực tiếp vào phổi qua đường dẫn khí
- Phương pháp ấn lồng ngực: dùng tay tác động gián tiếp vào phổi qua lực ép vào lồng ngực.

Hiệu quả: Phương pháp hà hơi thổi ngạt có nhiều ưu thế hơn là:

Bảo đảm số lượng và áp lực của không khí đưa vào phổi

Không làm tổn thương lồng ngực (gãy xương sườn)

Câu 3. Với khẩu phần bữa ăn đầy đủ các chất và sự tiêu hoá diễn ra có hiệu quả thì thành phần các chất dinh dưỡng sau tiêu hóa ở ruột non là: Axit amin; đường đơn 6 cacbon (glucôzơ); glyxêrin + axit béo; nước; muối khoáng; vitamin.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 18**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**Câu 1.** Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:**1.** Loại mạch máu nào chuyển vận chuyển máu nuôi tim?

- A. Động mạch chủ
B. Tĩnh mạch chủ
C. Động mạch và tĩnh mạch vành.
D. Động mạch và tĩnh mạch phổi.

2. Sản phẩm cuối cùng được tạo ra ở ruột non sau khi kết thúc biến đổi hóa học là?

- A. Đường đơn, axit amin, glixêrin, axit béo
B. Axit amin, glixêrin, axit béo, đường đôi
C. Đường đơn, lipit, axit amin.
D. Đường đơn, glixêrin, protein, axit héo

Câu 2. Điều phát biểu nào dưới đây là không đúng?**1.** Trong thành phần cấu tạo của máu gồm có:

- A. Huyết tương
B. Hồng cầu
C. Bạch cầu
D. Nước mô và bạch huyết

2. các cơ quan trong ống tiêu hóa gồm có:

- A. Miệng
B. Thực quản
C. Gan
D. Ruột non, ruột già

Câu 3. Chọn các câu ở cột A ghép với các câu ở cột B sao cho phù hợp rồi ghi vào phần trả lời.

Cột A	Cột B	Trả lời
1. Sự trao đổi khí ở tế bào	A. Enzim amilaza giúp tiêu hoá glucit	1.....
2. Trong dịch vị có	B. Gồm sự khuếch tán của O ₂ từ máu vào tế bào và của CO ₂ từ tế bào vào máu	2.....
3. Sự trao đổi khí ở phổi	C. Gồm sự khuếch tán của O ₂ từ không khí vào máu và của CO ₂ từ máu vào không khí	3.....
4. Trong nước bọt có	D. Enzim pepsin giúp tiêu hoá protein	4.....

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)**Câu 1.** Các thành phần cấu tạo chủ yếu của hệ hô hấp và chức năng của nó?**Câu 2.** Các bạch cầu đã tạo nên những hàng rào phòng thủ nào để bảo vệ cơ thể?**Câu 3.** Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo sự tiêu hoá có hiệu quả?

----- Hết -----

**I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Câu 1. 1 – C; 2 – A.

Câu 2. 1 – D; 2 - C

Câu 3.

1	2	3	4
B	D	C	A

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1.

Cấu tạo hệ hô hấp:

Gồm các cơ quan ở đường dẫn khí (mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản) và hai lá phổi.

Chức năng:

- Đường dẫn khí: dẫn khí vào và ra, làm ấm, làm ẩm không khí đi vào và bảo vệ phổi.
- Phổi là nơi trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài.

Câu 2. Ba hàng rào phòng thủ, bảo vệ cơ thể là:

- Hàng rào 1: Sự thực bào là hiện tượng các bạch cầu hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn vào trong tế bào rồi tiêu hoá chúng.
- Do các loại bạch cầu: Bạch cầu trung tính, đại thực bào (bạch cầu mônô) thực hiện.
- Hàng rào 2: Tế bào B đã chống lại các kháng nguyên bằng cách tiết ra các kháng thể, rồi các kháng thể gây kết dính lại các kháng nguyên.
- Hàng rào 3: Tế bào T đã phá hủy các tế bào cơ thể nhiễm vi khuẩn, virus bằng cách nhận diện và tiếp xúc chúng, tiết ra các protein đặc hiệu làm tan màng tế bào nhiễm và tế bào nhiễm bị phá hủy

Câu 3. Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo sự tiêu hoá có hiệu quả:

- Vệ sinh răng miệng đúng cách
- Ăn uống hợp vệ sinh (ăn chín, uống sôi, rau – củ - quả phải rửa sạch trước khi ăn, không ăn thức ăn thiu và thức ăn có ruồi nhặng bâu vào...)
- Khẩu phần ăn hợp lí
- Ăn uống đúng cách: ăn chậm nhai kĩ; ăn đúng giờ, đúng bữa, hợp khẩu vị; tạo bầu không khí vui vẻ thoải mái khi ăn; sau khi ăn cần có thời gian nghỉ ngơi.

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 19**MÔN: SINH HỌC – LỚP 8****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học 8.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 8.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh 8.

I. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm) Tại sao thức ăn từ dạ dày xuống ruột non từng đợt ? Nêu vai trò của HG trong dạ dày.

Câu 2. (2,5 điểm) So sánh chức năng của tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết. Nêu vai trò của tuyến nội tiết.

II. Phần trắc nghiệm (5 điểm)**Câu 1. (2,5 điểm)**

1. Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

- A. Phản xạ ở động vật khác cảm ứng ở thực vật ở đặc điểm cơ bản nào sau đây?
- B. Phản xạ ở động vật diễn ra nhanh hơn
- C. Phản xạ ở động vật diễn ra chậm hơn
- D. Phản xạ ở động vật dễ nhận biết hơn

2. Cơ tim có đặc điểm?

- A. Tế bào dài, tế bào có nhiều nhân, có vân ngang.
- B. Tế bào có hình thoi đầu nhọn và chỉ có một nhân,
- C. Tế bào phân nhánh, tế bào có nhiều nhân.
- D. Tế bào ngắn, không có nhân

3. Hiện tượng người sờ tay vào vật nóng và có phản ứng rút tay lại thì?

- A. Da được coi là cơ quan thụ cảm, cơ tay được coi là cơ quan phản ứng.
- B. Da được coi là cơ quan phản ứng, cơ tay được coi là cơ quan thụ cảm.
- C. Da và cơ tay được coi là cơ quan phản ứng
- D. Da và cơ tay được coi là cơ quan thụ cảm.

4. Khớp động có chức năng?

- A. Nâng đỡ và bảo vệ cơ thể.
- B. Đảm bảo cho cơ thể có thể vận động dễ dàng,
- C. Hạn chế hoạt động của các khớp.
- D. Tăng khả năng đàn hồi.

5. Cột sống có chức năng?

- A. Giúp cho cơ thể đứng thẳng.
- B. Bảo vệ tim, phổi.
- C. Đảm bảo cho cơ thể vận động được.
- D. Cả A, B và C

Câu 2. (1 điểm)

Điền dấu X vào chỗ phù hợp trong bảng sau:

	Miễn dịch tự nhiên	Miễn dịch nhân tạo
Miễn dịch thụ động		
Miễn dịch chủ động		
Miễn dịch bẩm sinh		
Miễn dịch tập nhiễm		

Câu 3. (1,5 điểm) Thực hiện ghép nội dung cột 1 với cột 2 và ghi kết quả vào cột 3.

Cột 1	Cột 2	Cột 3
1. Khoang mũi	A. Ngăn bụi và diệt khuẩn	1
2. Khí quản	B. Nhận không khí từ khoang mũi	2
3. Thanh quản	C. Chống bụi và vi khuẩn lạ	3
4. Phổi	D. Làm tăng bề mặt trao đổi khí	4

----- Hết -----

**I. Phần tự luận (5 điểm)****Câu 1. (2,5 điểm)**

Vì:

- Cần có đủ thời gian tiết enzym tiêu hoá
- Tạo môi trường thuận lợi cho các enzym hoạt động.

Vai trò của HCl:

- Biến đổi pepsinôgen thành pepsin.
- Tạo môi trường thuận lợi cho pepsin hoạt động.
- Tham gia vào quá trình đóng mở môn vị, diệt khuẩn.
- Làm biến tính prôtêin.

Câu 2. (2,5 điểm)**Giống:** Các tế bào tuyến đều tạo ra các sản phẩm tiết.**Khác nhau:** Sản phẩm tiết của tuyến nội tiết ngấm thẳng vào máu còn sản phẩm tiết của tuyến ngoại tiết tập trung vào ống dẫn để đổ ra ngoài.

Vai trò tuyến nội tiết: Điều hoà các quá trình chuyển hoá. Điều chỉnh tốc độ phản ứng hoá học nhất định, giúp cho sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, điều hoà cân bằng nước và các chất điện giải đóng vai trò quan trọng trong sinh trưởng, sinh sản và phát triển.

II. Phần trắc nghiệm (5 điểm)**Câu 1:**

1	2	3	4	5
D	C	A	B	A

Câu 2. (1 điểm)

	Miễn dịch tự nhiên	Miễn dịch nhân tạo
Miễn dịch thụ động	X	
Miễn dịch chủ động		X
Miễn dịch bẩm sinh	X	
Miễn dịch tập nhiễm		X

Câu 3. (1,5 điểm)

1	2	3
C	A, C	B